

## BẢN LUẬN 53

**Luận ghi:** “Lại nữa, thế nào là Biểu nghiệp v.v...”? Đây là căn cứ theo cuối quyển này, giải thích Nhị vô của hư không v.v... đã xong, kết luận rằng: “Như vậy hai mươi bốn Bất tương ứng v.v... đều là Giả hữu”, xem văn thế tức là kiêm tổng kết từ Bản luận 52 trước trở lại. Cuối quyển trước thì Chung tử và nghiệp này v.v... đều chế phục vấn nạn, là Bất tương ứng trước chứng thành Giả hữu, quyển trước đã nói Chung tử là giả hay thật, thì đã thuyết minh Chung tử giả hay thật rồi, nghiệp thì trên Chung tử mà lập để thuyết minh nó. Nếu giả lập Chung tử rồi, thì Bất tương ứng trước chưa dứt tận, cho nên trên Chung tử mà lập Vô tướng định v.v... dưới nghiệp là thuyết minh ba thứ Bất tương ứng của Vô tướng định v.v... để tiện quyết định và chọn lựa nghĩa nghiệp đạo của quyển 8. Kia là Tâm tứ địa, đây là Ý địa, không phải chánh quyết trách. Thể của nghiệp này v.v... như quyển 8 sao ở trước đã nói, nhưng chưa hết, tôi bây giờ phân tích lại. Sự Phát nghiệp này có loại tư duy, dưới đây sẽ tự phân tích. Bất cộng vô minh này đều là Kiến đoạn. Nếu là Cộng vô minh, thì hoặc là chỉ phát sinh Pháp nghiệp và Bất động nghiệp, đây là Dị sinh bên trong. Nếu là Dị sinh bên ngoài thì phải do Bất cộng mới phát khởi phước nghiệp và Phi phước nghiệp. Nếu là bậc Thánh hữu học thì không phát khởi Tổng báo, như kinh Duyên Khởi ghi: “Ta nói nương vào Minh, không nương vào Phiền não”, tuy nói như vậy, nhưng đây là căn cứ theo bất mê nhân quả, để lựa riêng với phàm phu và ngoại đạo, như vậy cũng từ Vô minh mà phát. Đối Pháp quyển 4 ghi: “Nếu người mặc tình tùy ý khởi Năng phát nghiệp là bất thiện, do đó biết Tu đạo cũng phát nghiệp, nhưng không phải Tổng báo mê hai loại ngu, như Đối Pháp nói.

**Luận ghi:** “Nếu các đường Uy nghi là tất cả Thân biểu nghiệp và Ngữ biểu nghiệp trong một phần chốn Công xảo, thì gọi là Vô ký biểu nghiệp”, nghĩa này cũng như nghĩa Tùy chuyển của Tát-bà-đa. “Một phần”, tức là Uy nghi có bốn, Trần và Công xảo, trong năm Trần chỉ lấy thân và ngữ, cho nên nói là “một phần”. Hiện tại Đại thừa đối với “một phần” này thông với ba tánh, chỉ lấy Vô ký trừ ra thiện và bất thiện, cho nên nói “một phần”, một phần này đều là Gia hạnh sinh, không giống như Dị thực sinh, vì tâm không thể phát nghiệp. Nếu như thế thì tâm biến hóa cũng có thể phát nghiệp, tại sao không luận? Hiện tại Đại thừa hoặc vì lợi lạc thì phải biết đó là thiện, tức là chủng loại của thiện, nếu vì vui thích thì phải biết đó là Vô ký, tức là Uy nghi

v.v... vì chủng loại không nhau mà không luận. Ý biểu nghiệp, sư Pháp nói: “Biểu hiện thiện ác của tự mình, cũng có Vô biểu”, như Bản Địa quyển 8 sao ở trước, trong đó trình bày các giải thích có chút ít hướng theo, bây giờ giải thích lại, như hai loại thân nghiệp và ngữ nghiệp thì biểu hiện đối với người khác, ý nghiệp thì chỉ biểu thị đối với tự mình, như khi phát khởi thân ngữ nghiệp, thì chắc chắn có ý nghiệp biểu hiện để làm phương tiện, tự ý mình biểu hiện cho biết rằng “ta làm sự như vậy”, tức là trước thì biểu thị cho biết, sau đó thì làm sự này, ý đồng thời với Biểu nghiệp cho nên gọi là Ý biểu nghiệp, trong đây thì chỉ có thân nghiệp, các chỗ khác đều diệt mất. “Đối với các chỗ khác mà sinh, hoặc là đối với sự Biến dị này mà sinh v.v...”, đây là lấy Sắc pháp tương tục một thời kỳ có bốn Tướng của các sư Kinh lượng bộ, có nói riêng “Động sắc gọi là Thân biểu”, luận này thì phá lý đó, nói: “Từng sát-na sắc diệt tương tục, ở chỗ này diệt thì ở chỗ khác sinh, không phải trong một Thật pháp không có sinh diệt, từ sự không diệt mất này mà có thể tới lui. Trong câu “đức” của các sư Phệ-thế kia, co duỗi v.v... cũng vậy, cũng có thật thể, luận này cũng đồng phá lý đó. Hoặc Tát-bà-đa bộ, tuy không có Động sắc nhưng riêng có nghiệp sắc, như khi co duỗi thì có riêng nghiệp sắc sinh. Luận này thì không như thế, chỉ có sắc thân của Dị thực vô ký, đối với chỗ này là do sức của tư duy biến dị mà sinh, không phải riêng có nghiệp sắc, cho nên nói “chỉ có thân, đối với chỗ khác thì diệt mất v.v... “Chỉ có Ngữ âm và Ngữ biểu nghiệp”, đây là lựa riêng với Thanh của Tát-bà-đa, tức là ngữ nghiệp, luận này ghi: “Đều có Ngữ âm do chỗ phát của Tư nghiệp, gọi là Ngữ biểu nghiệp”. Thể của Ngữ chỉ có Vô ký, không đồng với nghiệp thể của Tiểu thừa thông với ba tánh. “Chỉ có phát khởi tâm tạo tác tư duy gọi là Ý biểu”, đây là nói lấy Tư làm ý nghiệp, ý nghiệp cũng phát khởi thân và ngữ, lấy Tư làm nghiệp, nghiệp tức là Sắc mà là giả danh, không phải riêng có Sắc gọi là nghiệp v.v...

**Luận ghi:** “Tại sao do tất cả Hành đều là sát-na mà từ phương khác đến phương khác là không đúng đạo lý”? Đây là phá Chánh lượng bộ v.v... phải trước hết làm thành có sát-na diệt rồi mới có thể phá không có hành động, lập Lượng rằng: “Các Sắc trần v.v... đáng lẽ là sát-na diệt, vì Sắc uẩn nhiếp, như ngọn đèn, như tiếng chuông”. Ngọn đèn và tiếng chuông thì người khác cùng thừa nhận, mới lập Lượng rằng: “Không có Sắc ở chỗ này đi đến chỗ khác, vì sát-na diệt, như ngọn đèn v.v...”. Sát-na diệt này, nhân theo phương là Cực thành. Lại nữa, lìa thì chỉ có các Hành sinh, các thật tác dụng khác thì do nhãn nhĩ

và ý, đều là bất khả đắc”, nghĩa này cũng phá “thật có hành động và tác dụng” của Chánh lượng bộ, cũng phá Cực vi tánh nghiệp sắc thật có tác dụng của Tát-bà-đa, cũng phá Thật tánh nghiệp của sư Phệ-thế, luận này tổng phản đối rằng: “Không có riêng thật tác dụng, như chỗ nắm lấy ba nghiệp của nhãn nhĩ và ý, đều là bất khả đắc”, các Bộ kia tuy hành động và nghiệp sắc đều là chỗ nắm lấy của nhãn v.v... nhưng cùng với các Bộ kia là tùy theo một lỗi Bất thành, vì luận này không thừa nhận có đắc Nhãn thức v.v... Lượng rằng: “Ông nói hành động và nghiệp sắc v.v... không gọi là lia ngoài các Hành, vì do nhãn nhĩ và ý quyết định là bất khả đắc, là chỗ không thể biết được của Hiện lượng và Tỷ lượng, như sừng thỏ v.v...”, Ý nghiệp tuy thông ba tánh, nhưng lấy Tư để phát khởi sự biểu hiện, hiển rõ ý nghĩa của tác dụng, cho nên phải biết tất cả Biểu nghiệp đều là giả có.

Hỏi: Nếu Giả nghiệp trong Sắc v.v... như trong Sắc xứ biểu hiện các Sắc này, là phá các duyên trong Nhãn thức v.v... của Đại thừa hay không”?

Đáp: Ấn Độ có hai giải thích, là năm Thức duyên Giả nhưng nương vào Thật, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích.

**Luận ghi:** “Lại nữa, nếu có sinh vào nhà Bất luật nghi, thì có chỗ hiểu rõ tự mình phát tâm kỳ hẹn rằng: Ta sẽ lấy Bất luật nghi này nói là mạng v.v...”, đây là Năng khởi luật nghi trong tám Luật nghi, ngoài ra dưới đây mỗi mỗi đều phối hợp theo thứ tự. Hiện tại Đại thừa tuy sinh vào nhà Bất luật nghi, nhưng từ câu “có chỗ hiểu rõ” trở đi, thì tự phát tâm kỳ hẹn mới thành, nếu không phát tâm kỳ hẹn thì trái với ý chí trước của cha mẹ: “Ta không làm sự này”, tức là không phải Bất luật nghi. Luật nghi gọi là Quý tắc, chẳng phải quý tắc cho nên gọi là Bất luật nghi, không phải ác quý tắc mà gọi là Bất luật nghi, tức là Danh và Thể của nó, như tương tự với ác Thi-la. Hiện tại căn cứ theo văn thế của luận này, tức là mới phát mà tâm hẹn làm, cũng không phải Bất luật nghi nhiếp, phải huân và phát thì tâm mới thành, bây giờ giải thích tâm trước làm Gia hạnh đạo đã thành rồi, nhưng chưa quyết định còn nhẹ, là hạ phẩm, sau đó tâm huân phát, là trung phẩm, tức là sau Vô gián đạo, hoặc làm sự này thí đã thành thượng phẩm mà riêng khởi phát không có chỗ y, nhưng căn cứ theo luận nói: “Tuy thành thân và ngữ Vô biểu, nhưng ý thì có ba loại bất thiện căn nhiếp”, do ý mà làm thành bảy chi Vô biểu của thân ngữ, cho nên luận ghi: “Chỉ thành rộng lớn các bất thiện căn. Lại nữa, nếu đã hành sự rồi thì liền phát khởi Biểu nghiệp và Vô biểu nghiệp”, đây là chỗ phát Vô biểu nghiệp của ý, không thuộc

thân ngữ, nhưng luận ghi: “Không nói thành tựu thân ngữ Vô biểu, mà chỉ nói thành tựu bất thiện căn”, tám sự sau đã thuộc chỗ nắm lấy của thân ngữ. Lại nữa, chỉ làm thành bất thiện căn của ý, tức gọi là Bất luật nghi, không phải thành bảy Sắc nghiệp đạo. Lại nữa, khi hành sự đã thành thì cũng gọi là Bất luật nghi, không đồng với Tát-bà-đa gọi là nghiệp đạo trong Xứ. “Phải biết Phi phước vận chuyển tăng trưởng”, đây cũng là bảy chi tăng trưởng gấp bội từng sát-na, gọi là vận chuyển tăng trưởng.

**Luận ghi:** “Tà nguyện tư này cùng với Bất tín, Giải đãi v.v... đồng thời hiện hành”, đây là nêu ra Thể tánh, khắc phục tánh mà nêu ra Thể, thì chỉ là trên Chung tử ác tư duy mà giả lập, luận này nắm lấy ngược lại năm căn tăng trưởng, cho nên nói Bất tín, Giải đãi v.v... thật ra thì thường phải có mười pháp đồng thời chuyển, cho đến Tà dục, Thắng giải v.v... Tư này có thể khởi nghiệp mà tư duy Chân như. Dưới đây trong tám Luật nghi, Luật nghi thứ hai là Năng khởi luật nghi. Từ trên đến đây là một thời kỳ của tâm Bất luật nghi liền thành thời cơ, là chưa xả bảy chi trở lại, bảy chi vận chuyển tăng trưởng đến thời cơ phải xả, là thọ giới, mạng chung, đặc định, hai hình sinh bốn thời. Hiện tại Đại thừa tuy không thọ giới, nhưng thế nguyện xả bỏ tác pháp, cũng gọi là Xả, do đó có năm thời, cho nên luận ghi: “Cho đến Tư này khi chưa xả trở lại, gọi là Bất luật nghi”, biết rõ là xả Tư nghiệp và ý nghiệp, cũng xả Bất luật nghi. Nói “ác Thi-la”, Thi-la gọi là Thanh lương, người làm việc ác thì gọi là Ác Thanh lương, “Ta làm ác Thi-la”, không phải chính Thể ác của nó tức là Thi-la. Cự luận vấn nạn rằng: “Đề phòng việc quấy mà mở bỏ giới, thì có giới cũng không hại việc quấy v.v...”, bất thiện này chính là tên của nó, nếu như luận này giải thích thì không có lỗi, như tên của Bất luật nghi thì đồng.

Lại nữa, vấn nạn rằng: “Thể của ác không phải Thi-la, người làm ác là ác Thi-la, gọi là ác Thi-la thì đáng lẽ Thể của Kiến cũng không phải ác, vì người hành ác, thì ác chính là Kiến, cho nên gọi là Ác kiến”?

**Giải thích rằng:** “Kiến gọi là Phân biệt, Phân biệt của thiện và ác đều gọi là Kiến; Thi-la gọi là Thanh lương, vì Thể của ác không phải Thanh lương, không thể ví dụ đồng với Kiến. Thể tánh của Luật nghi cũng lấy thiện ác đồng thời, cũng lấy năm Tâm sở, chế phục Thể thì chỉ ở trên Chung tử của Tư mà giả lập. Hiện tại Đại thừa căn cứ theo văn, tức là cũng lấy mười Thiện nghiệp đạo và năm Uẩn của Tư làm Thể. Nếu Bất luật nghi ngược lại điều này, thì phát khởi thời cơ của giới, tức

là năm chúng xuất gia. Thứ ba là Yết-ma đã đắc giới, hoặc là Sa-di, Sa-di-ni và ba chúng tại gia, khi thọ Tam quy rồi thì liền đắc giới; hoặc hai chúng xuất gia thì phải thuộc chỗ thọ Bí-sô của người khác nhiếp, ba chúng tại gia thì được tự nhiên mà thọ, tức là cũng có Tam quy rồi thì liền đắc giới; hoặc Bồ-tát giới thì thông với tự nhiên mà thọ, tuy nhiếp hết tất cả giới, nhưng sau đó khi xuất gia rồi thì theo người mà thọ. Đây là thuyết minh giới của Nhị thừa, theo người khác mà thọ hai loại. Thọ tùy hộ chi, là tầm và quý. Tầm là có thể tự mình thọ, quý là theo người khác mà thọ, cả hai đều hành, nhưng căn cứ theo sự tăng thặng thì khi có một giới là không có giới thứ hai, không phải là không có một giới nào. Nếu theo người mà thọ giới, do thân phát khởi bảy chi, thì như đi đến chỗ của sư truyền giới; do ngữ phát khởi bảy chi, là như phát ngữ để thỉnh sư truyền giới; hoặc người tự nhiên mà thọ, thì chỉ có Ý biểu nghiệp, tự nhiên thọ này không lấy thân ngữ làm phương tiện, chỉ lấy ý làm phương tiện, vì đã thọ được bảy chi Vô biểu của thân và ngữ.

Hỏi: Tức là có Vô biểu không từ Biểu mà sinh, vì không có thân ngữ, chỉ tự có ý thì liền thành Biểu, nếu như thế thì khi tự thọ, lễ Phật, phát ngôn, lễ nào không phải là Biểu nghiệp?

Đáp: Đây là giải thích Vô biểu nghiệp mà người khiến cho biết, nói không có thân ngữ, là không phải tự mình không có thân nghiệp và ngữ nghiệp, cho nên cũng có sự biểu hiện phát sinh, ví như muốn trừ bỏ chỗ hành sự của người khác, thì hoặc là ngữ nghiệp v.v... làm sự biểu hiện của thân v.v... Thân và ngữ nghiệp biểu hiện lẫn nhau. Lại nữa, các nghiệp này phỏng theo tất cả tác pháp, như người bệnh nặng không thể động thân phát ngữ, tuy theo người khác thọ giới nhưng cũng có Vô biểu nghiệp không từ Biểu nghiệp mà sinh, hoặc tự phát tâm trong một thời kỳ thì chỉ có Vô biểu, cho nên luận này ghi: “Dựa vào Ấn Độ của ba nhà giải thích giới thể trong trăm hạnh, hoặc nói là một phần v.v...”, giải thích này đồng với kinh Bộ, khi thọ một giới, hai giới, thì cũng phát khởi giới. Bất luật nghi v.v... cũng vậy, khi thệ nguyện thọ một giới thì cũng gọi là Bất luật nghi; nếu không thệ nguyện thọ giới mà hành sát sinh, thì chỉ gọi là trong chỗ đó, Biệt thời và Biệt thọ tổng gọi có mười loại giới. Trong đây hỏi rằng: Nếu như hiện tại đã phân ly rồi thì cùng với thời gian chút ít đó có khác gì, mà nói có trăm hạnh, hoặc đến khi thọ mạng hết, thì mười giới cùng với tự thọ giáo nơi người khác nào có khác gì?

Đáp: Giải thích chỗ duyên của ý tiến đến tâm không nhau, nhưng trong đây có mười vị, ba vị đầu phỏng theo sự, ba vị kế phỏng theo thời,

bốn vị sau cùng phỏng theo người. Nhưng ngay trong bốn vị sau, vị thứ ba là Tự ngữ phân làm hai loại. Thi-la, Vô hối v.v... như Hiển Dương quyển 7 ghi: “Vì thành Thi-la cho nên không có Hối, vì không có Hối cho nên sinh vui, vì sinh vui cho nên tâm mừng, vì tâm mừng cho nên thân an, vì thân an cho nên thọ lạc, vì thọ lạc cho nên tâm định, vì tâm định cho nên quán như thật, vì quán như thật cho nên khởi chán, vì khởi chán cho nên lìa Dục, vì lìa Dục cho nên giải thoát, vì giải thoát cho nên tự cho là Ngã, “Ngã chứng giải thoát, Ngã sinh đã tận v.v...”. Tính lự luật nghi, trong đây chỉ có bốn Căn bản, như Đối Pháp quyển 8 nói: “Đối với cõi Vô sắc, hoặc là lược bỏ, không kiến lập Sắc hoặc Luật nghi”. Theo văn của Hiển Dương luận thì cõi Vô sắc cũng có Định cộng giới, nhưng đối với cõi Dục hoặc là Tu đạo, sinh Kiến đạo để làm Viễn phần đối trị. Trong đây là Tùy thuận lý môn, không nói Vô sắc, đối với vị lai thì Thiên cũng có Vô gián đạo, lược bỏ không nói. Nếu là Vô lậu, thì trước hết là đắc Tĩnh lự, nương vào năm Địa mà nhập Kiến đạo đắc quả Bất hoàn, đắc Kiến đạo của giới, và chín Vô gián đạo trở thành Đối trị đạo của Ác nghiệp đạo, sau đó chứng đạo giải thoát v.v... cho đến Vô học. Mong Kiến đạo và ác giới gọi là Viễn phần đối trị, nếu là Tu đạo, thì trong thân của bậc Thánh có lỗi vi tế, tùy nương vào Sơ thiền v.v... mà đối với chín phẩm Vô gián đạo mong Sở đoạn, gọi là Đối trị đạo. Giải thoát đạo cũng gọi là Viễn phần đối trị, nhưng hiện tại Đại thừa lại có người trở lại chín Địa trong ba cõi, từ Sơ quả liền đến Vô học, làm Đối trị đạo của chín phẩm, Đoạn đó đối với Đoạn cho đến tùy nương vào Địa này, tức là lấy chín phẩm Vô gián đạo làm Đối trị đạo, các Địa còn lại gọi là Viễn phần đối trị, chỉ trừ ra cõi Thiên giữa Hữu danh, đây là căn cứ theo Hữu học, người mới đắc Quả thứ ba, đoạn Hoặc làm Sở đoạn Đoạn cho nên là thù thắng. Nếu dần dần đoạn từ Quả thứ ba trở đi thì cũng như thế, vì chỉ do Năng trị thù thắng mà đắc Ngữ vô học; nếu nhanh chóng đoạn chín phẩm trong ba cõi, cho đến chưa đắc Vô học và Vô gián đạo trở lại, thì đều là Sở trị đoạn, cho nên thù thắng, chỉ có Vô học năng trị thù thắng cho nên thù thắng, chính đó là nhập Kiến đạo. Trong đây phỏng theo bốn Căn bản mà khởi siêu vượt Nhân, Tác pháp, đối với Vị chí thiên mà khởi Sơ quả nhân pháp, thật ra vị lai Thiên cũng được siêu vượt quả mà đắc bảy Tác ý, nương vào vị lai Thiên mà đắc quả Bất hoàn, Tác ý của Cửu cánh quả trong Gia hạnh thứ bảy chắc chắn nhập Căn bản. Hiện tại luận này phỏng theo quả viên mãn mà luận, luận này siêu vượt như người chứng quả thứ lớp, cõi Vô sắc thì được đoạn Chứng tử của cõi Dục và Chứng tử phạm giới. Sư Pháp



nói: “Kiến đạo nương vào sáu Địa đều nắm lấy làm trung gian”, không phải như vậy, căn cứ theo ba y và năm y sinh của sáu Hiện quán, trừ ra trung gian thiên, các văn còn lại tuy nói có Vô lậu, nhưng vì chỗ ở của Phạm vương phần nhiều là tán loạn, lẽ nào như Hữu đảnh. Tuy nói có Vô lậu, nhưng không thành Đoạn hoặc, như các luận khác rộng phân tích. Nhưng Định cộng giới và Đạo cộng giới này, sư Pháp nói: “Đối với Kiến đạo đều trên Hiện hành tư mà kiến lập, lấy đó gọi là tùy theo tâm mà chuyển sắc.

Hỏi: Tại sao Đạo cộng không có biểu hiện? Như khi Chánh ngữ Chánh nghiệp phát ngữ thì thế nào là biểu hiện?

Đáp: Lại nữa, căn cứ theo Biệt giải thoát giới thì trên Chủng tử của Tư mà kiến lập, thì Chánh ngữ này cũng vậy. Như Biệt giải thoát giới từ Thọ trở đi, trong từng sát-na vận chuyển tăng trưởng, gặp duyên thì xả rồi, Chủng tử cũ thì không mất, không giống như Tiểu thừa, đoạn Đắc gọi là Xả, chỉ có sát-na mới này bầy chi không sinh thì gọi là Xả giới, Đạo cộng giới và Định cộng giới cũng vậy, khi Hữu tâm thì sát-na tăng trưởng, bầy chi tăng lên gấp bội, nếu Vô tâm thì đã là một loại, thì Chủng tử tương tục mà sinh, không có nghĩa mới tăng thêm, đó gọi là Xả. Không phải như Biệt giải thoát giới, một Thọ trở đi thì Vô tâm và Hữu tâm đều được tăng trưởng, gọi là tùy tâm mà chuyển.

Hỏi: Như thế nào mà lấy Hiện hành tư làm Thể của Định cộng?

Đáp: Có người nói, trên Chủng tử này mà lập thì đáng lẽ trùng với trên Chủng tử tư mà kiến lập trong Gia hạnh đạo ở trước, như phát khởi tư duy Biệt giải thoát giới, thì lấy Tư nghiệp của Gia hạnh ở trước. Trong Gia hạnh đạo thì điều này chưa thành giải thích, như Định và Đạo trước Gia hạnh đạo đều không phải là Định cộng giới và Đạo cộng giới, mà là Tán tâm, hoặc Địa và cõi khác trói buộc.

Hỏi: Như thế nào là tùy theo Gia hạnh để phán Định giới thể?

Đáp: Chỉ nên tùy theo Định giới và Đạo giới đồng thời với Tư mà lập. Cận sự gọi là lia Ác hạnh. Ác hạnh là ba chi trước và ý, trong đó mới có lia ẩm tửu, tùy theo dục hạnh đó, hiện tại là căn cứ theo phần nhiều mà làm luận. Hai nhân của Cận trụ, là ngày và đêm trì hai hạnh Ly dục và Ly ác và trì hết mình làm nhân, vì căn tánh yếu kém cho nên nhân theo quả gần mà trụ, cho nên gọi là Cận trụ, không phải Phạm hạnh. Nếu là hàng tại gia thì chế phục tà, không chế phục chánh, chánh thì gọi là Dục hạnh, nếu là hàng xuất gia thì đều không thừa nhận, gọi là lia Ác hạnh. Người lia Ác hạnh là Tánh tội, cùng với ba tội trước đều là Tánh tội. Lia Ác hạnh, là từ chỗ sinh của tham, chế phục không thừa

nhận, như bốn tội sau cũng đều vì chế phục tham. Bí-sô bốn chi, Bí-sô không phải là chấp thọ Học xứ, tức là ban đầu nói về bốn Giới trọng và bốn Y tướng v.v... như thành tựu Thi-la của Hiền Dượng quyển 7. Thứ hai là khéo có thể phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi, thứ ba là Sở hành của quý tắc để được viên mãn, thứ tư là thấy tội vi tế mà sinh đại khiếp sợ và thành tựu Thi-la, là không thể phạm, nếu đã phạm thì có thể thoát khỏi, ngay trong Hiền Dượng nói: “Thọ học các Học xứ kia”, đây là Xứ thứ nhất làm Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm Xứ thứ nhất, tức là sáu Xứ của Thanh văn. Ổ-bà (Ưu-bà) nghĩa là Cận; Ca nghĩa là Sự; Sách nghĩa Nam; Tư nghĩa là nữ. Trên hai chữ Cận sự thêm vào hai chữ Sách và Tư, Tư là tiếng gọi người nữ, nam nữ riêng biệt. Nói Mẫu sắc, chánh dịch là Mẫu thôn, vì nữ trong nhà đồng với mẫu, cho nên đổi lại gọi nữ là mẫu, đồng loại với thôn ấp.

**Luận ghi:** “Thế nào là Phi luật bất luật? Là trừ bỏ chỗ nói Luật bất luật, tất cả thiện bất thiện v.v... như trước, chính là thân ngữ ý nghiệp”, căn cứ theo Bất luật nghi trước có một loại không trì mà đắc, đây là căn cứ theo thượng phẩm phát khởi Vô vô tác, hoặc trung phẩm và hạ phẩm, hiện tại không hành mười Ác nghiệp đạo cho đến trung phẩm hạ phẩm của Thiện nghiệp đạo để phát khởi, vì Vô biểu đều là Thể tánh của các nghiệp này. Lại nữa, một người nếu đối với các Luật nghi thế nguyện một phần trì một Luật nghi, các Luật nghi còn lại không trì. Trong Xứ đó, nếu thế nguyện làm một phần ác nghiệp thì không gọi là Bất luật nghi, chỉ có trong Xứ đó, hiện tại chỉ có Luật nghi và Bất luật nghi nương vào một phần, cũng chỉ là kỳ hẹn làm thiện, vì lìa thượng phẩm, tức là Bất luật nghi nhiếp, trong đó cũng có ba phẩm.

**Luận ghi:** “Toàn phần chọn một nửa, một phần chọn một nửa, tổn hại chọn một nửa”, như Đối Pháp quyển 8 có năm loại, là Sinh tiện, Bán nguyệt, Tật đố, Quán sái, Trừ khử, trong đây chỉ không có Quán sái, vì trong đây khai mở Tật đố làm hai loại, là bức bách chính mình nhìn thấy người khác, đó là khiến cho một hợp chung Quán sái, là loại Tật đố đó khi được tinh huyết của người khác mới phát khởi thế lực. Phiến-quắc-ca, Hán dịch là không có căn và thế lực dụng. Bán-trạch-ca, Hán dịch là Lạc dục, là ưa thích người khác làm lỗi đối với chính mình. Như Sinh tiện gọi là toàn phần, là Vô căn và ưa thích người khác đối với mình làm lỗi; gọi là Bán-trạch-ca, vì ứng dụng thế lực không có căn; gọi là Phiến-quắc-ca, tức là một đời không khởi thế lực của người nam. Thứ hai ưa thích người khác đối với làm lỗi gọi là Bán-trạch-ca, vì có trì chấp, không phải là Thể của Phiến-quắc-ca có căn chấp, vì



khi căn chấp thì khởi. Trong Trừ khử có hai loại người, loại người này không đồng với Sinh tiện, chắc chắn không có trừ khử nam căn, đã từng có nam căn, tuy Trừ khử không có căn, nhưng tánh vẫn chưa đoạn, nếu không ưa thích người khác làm lỗi, thì không phải Bán-trạch-ca, vì không có thế lực của căn cho nên gọi là Phiến-quốc-ca, nếu ưa thích người khác làm lỗi đối với mình thì gọi là Bán-trạch-ca, vì không có căn, cũng là Phiến-quốc-ca trụ riêng biệt, Ý lạc trước bị tổn cho nên thuyết minh Trụ, đây là Tự pháp tổn cho nên khác với Trụ, tuy ý trước ý sau không làm tổn hại Biệt tánh của thời sau đó.

**Luận ghi:** “Chỗ đắc của người khác”, là lỗi của cha mẹ trong thời gian ít, cùng với người khác được nhiếp dưỡng, tuy không phải cha mẹ nhưng cũng là chỗ đắc của người khác, nhưng giới này đều có ngăn che vấn nạn ấy, thọ giới mà không đắc có giới, mà chỉ đắc tội thì không phải là không đắc giới. Thủ viên là người giữ cửa chùa. Trong năm chúng Tỳ-kheo xả giới, sư Pháp nói: “Căn cứ theo phạm tội và xả tội trong Bồ-tát địa, thì cần phải thượng phẩm tâm phạm mới có lỗi”, sự phạm tội này cũng vậy, điều này không thành giải thích, như thượng phẩm tâm của Bồ-tát không có tầm quý, trong Thanh văn giới này chỉ phạm thì liền có lỗi, không luận là tâm thượng trung hay hạ phẩm, vì đều vượt khỏi giáo, đều phạm vào Tánh tội, hoặc năm giới không có phạm nặng, vì không gọi là Phi phạm hạnh, ăn năn cũng trở lại thanh tịnh. Hai hình sinh vẫn thành Cận sự tánh, Cận trụ giới không đoạn thiện, vì ngày đêm đồng thời, không được đoạn thiện, trước hết phải Gia hạnh mới có thể được, cũng không có phạm nặng, không phải rớt ráo lia, vì không phải Phi phạm hạnh, trong đây chỉ có xả ban ngày. Sư Pháp nói: “Căn cứ theo trăm hạnh trên, có một ngày cho đến một năm, cho nên biết Cận trụ giới cũng được đa thời, vì tâm kỳ hẹn rộng”. Nếu như thế thì như Tỳ-kheo giới, tâm kỳ hẹn đến nhiều đời, lẽ nào ngay sự tương tục kỳ hẹn mà có giới hạn, vì phần thế lực không nhiều lắm. Nếu trải qua một ngày v.v... chỉ có trong Xứ đó là Thiện luật nghi, không phải là Luật nghi, thì trong trăm hạnh nào có hại gì nhiếp thiện trong Xứ đó! Lại nữa, năm giới thế nguyện chỉ có một ngày lẽ nào thành Luật nghi giới, vì chỉ là trong Xứ đó.

Vô tướng định, như Đối Pháp quyển 2, trong đây không có văn nói thoái chuyển, sau cõi Sắc khởi quyết định sinh báo, đã từng đắc và chưa từng đắc, như Đối Pháp sao, đây là người đắc Định, căn tánh không phải chỉ có thượng phẩm, vì có ba phẩm v.v... cho nên quyển trước trong Tỳ chuyển chỉ nói Bắc châu này, không nói Vô tướng, vì bị chết yếu. Địa

này có chín phẩm, như Diệt định, Định này được lia sự thọ báo của chín phẩm, chủ yếu chỉ nương vào chín phẩm thì đều dứt hết sự sinh, vì trong Vô tướng thiên.

Hỏi: Chủng tử của tâm đề phòng đối với tâm, Thể của Định không phải Sắc, Chủng tử của tâm và sắc đề phòng đối với Sắc, Thể của Chủng tử là Sắc, Thể của giới không phải tâm và sắc?

Đáp: Sắc chủng đề phòng đối với Sắc, Thể của Chủng là Sắc, tức là Phi phi sắc. Tâm chủng đề phòng đối với tâm, Thể của chủng không phải tâm, tức gọi là Phi tâm sắc.

Hỏi: Lấy Sắc đề phòng đối với Sắc, Sắc chủng trở lại gọi là Sắc, lấy tâm đề phòng đối với tâm, tâm chủng tức là Phi phi tâm sắc?

Đáp: Sắc chủng là chỗ đề phòng Sắc, Thể của chủng thuộc Sắc nhiếp.

Hỏi: Nếu như thế thì tâm chủng là chỗ đề phòng tâm?

Đáp: Sắc chủng đề phòng Phi thiện sắc phát khởi, nương vào Chủng mà lập giới, tức là Sắc chán Chủng tử của tâm, cũng là tâm đề phòng, không có riêng tâm dấy khởi, đó là Phi tâm sắc.

Hỏi: Sắc chủng nói là đề phòng Phi sắc chủng, gọi là Thiện sắc dấy khởi, tâm chủng đề phòng Chủng tử của tâm duyên lự, sao lại tiếp tục nói là tâm sinh?

Đáp: Tâm thể vốn là Chủng tử của duyên lự, vì không có duyên cho nên không phải là tâm và Tư, từ chỗ đề phòng mà nói là Sắc, Chủng tử của Tư có đề phòng cho nên thuộc Sắc nhiếp.

Luận ghi: “Lại nữa, nếu do nhân này và chấp này là tất cả Sinh đắc tâm tâm pháp diệt, thì gọi đó là Vô tướng”, sư Pháp nói: “Mới sinh có tâm, thì tâm này thông với thiện tánh và Vô ký tánh, vì mặc tình tùy ý mà khởi, gọi là Sinh đắc, tâm Sinh đắc này diệt rồi thì trên A-lại-da thức kiến lập Vô tướng dị thực”. Sư Tuyên nói: “Mới sinh có báo Ý thức, vì Thức này diệt cho nên gọi là Sinh đắc tâm tâm pháp diệt”. Sư Thái nói: “Vô tướng thiên đó thọ sinh và khi xả thọ mạng thì đều không có ý thức”. Nói “Sinh đắc tâm tâm pháp diệt”, tức là lúc cuối cùng của thân Trung hữu, lúc đó nhiễm ô tâm mặc tình tùy ý dấy khởi, gọi là Sinh đắc. Tâm tâm pháp này diệt rồi thì lại thọ sinh Hữu lậu, gọi là Sinh đắc tâm tâm pháp diệt. Kiến lập Vô tướng, nhưng Vô tướng là Biệt báo, trên Thức thứ tám có đề phòng tâm không khởi công năng, đó là Thể của Biệt báo, tức là Tư của Vô tướng định, Thể của Tư chiêu cảm Tổng báo, trên đó có công năng của tâm đề phòng chiêu cảm Biệt báo.

Hỏi: Thức thứ tám hiện hành tâm tâm pháp, thế nào gọi là chán

công năng của tâm mà gọi là Biệt báo của Vô tướng? Lại nữa, trên Định vị tâm tâm sở không hiện hành mà kiến lập, tại sao tức là một Tư cũng chiêu cảm chung Tổng báo và Biệt báo? Lại nữa, nghiệp Vô tâm thì làm sao chiêu cảm báo của Hữu tâm Thức thứ tám?

Đáp: Luận này giải thích thì không phải như vậy, hoặc là quyết định Tư ở trước làm Tổng báo nghiệp mà chiêu cảm Tổng báo của Thức thứ tám, hoặc là chán công năng Chủng tử của tâm là Biệt báo nghiệp, chiêu cảm Sinh đặc tâm tâm pháp diệt của Ý thức và Biệt báo của Sắc uẩn v.v... hoặc Gia hạnh ở trước khi chưa chán tâm, thì Sinh đặc báo Di thực Xả thọ có thể sinh, nhưng do Gia hạnh ở trước chán tâm, cho nên Sinh đặc báo tâm này không sinh, đối với Chủng tử này mà đề phòng tâm không khởi công năng, cho nên kiến lập Vô tướng tức là Biệt báo nghiệp chiêu cảm Thể của Biệt báo pháp, không lia hai thuyết Hữu tâm và Vô tâm. Như văn dẫn của Đối Pháp sao làm chứng v.v... trong đó không nói một thời kỳ Hữu tâm, cho nên biết thiết lập các chỗ khác nói Hữu tâm.

Hỏi: Đó là Tùy thuận lý môn. Lại nữa, Bí-sô lia Tăng thượng mạn v.v... có thể biết, trong đó sinh hai Uẩn làm một nghiệp cảm và Biệt nghiệp cảm?

Đáp: Hoặc Tổng báo đồng một nghiệp, hoặc Biệt báo thì Biệt nghiệp chiêu cảm. Thân Trung hữu và Hữu tâm sinh Hữu tâm và Vô tâm, đâu có chướng ngại gì, cũng nên Tư ở trước mà chiêu cảm, hoặc trong Thể của Tư mà chiêu cảm. Có công năng chán tâm trên Biệt báo tư, là cảm sinh có Diệt tận định, là Vô lậu thì không cảm báo, nhưng có chưa lia Đệ tứ thiên, người tham v.v... thì đắc. Hiện tại luận này căn cứ theo người đoạn Hoặc, không luận người chế phục Hoặc, nhưng Cựu luận ghi: “Có mười ba hạng người có thể đắc, là người Cự phược, tám Giải thoát đạo, A-la-hán, Độc giác, Như Lai, hiện tại Bồ-tát nhập Địa của Đại thừa cũng đắc, tuy người chế phục Hoặc thứ tư cũng đắc, đâu có hại gì nhưng vẫn là Cự phược nhiếp, như Vô tướng định của Đối Pháp sao, là chỗ nhập của Phi học vô học, vì không có Tuệ hiện hành”. Sư Thái nói: “Khi đắc Vô tướng báo thì không có Tuệ hiện hành”. Sư Cảnh nói: “Khi nhập Vô tướng định thì phương tiện không có Vô lậu tâm, cho nên gọi là Vô tướng hiện hành”. Tịch tĩnh trụ và sinh, là Diệt định, là trụ bốn Xứ của Vô sắc hay là sinh Hư không vô vi? Sư Pháp nói: “Trên Quang minh sắc mà kiến lập”, như Đối Pháp quyển 2 và Hiển Dương quyển 1 ghi: “Hư không vô vi, là do Cảnh sở duyên tướng của tâm, vì tương tự cho nên lập làm Thường, không phải duyên tâm kia, hay duyên

cảnh giới kia, có khi biến dị cho nên Phi trách diệt cũng vậy”, cũng như Đối Pháp sao.

Nói rằng: “Vô hình và hai hình v.v... sinh khởi”, những hình này là lấy tất cả các lần sinh khác ngoài bảy lần sinh của Sơ quả. “Hoặc ái hoặc nguyện”, Ái có hai loại: một là Phát nghiệp ái, hai là Nhuận sinh ái. Ái của Nhuận sinh, là Thánh nhân do đó mà có, là chỗ không có của luận này. Nói Phát nghiệp ái, sư Thái nói: “Ái có hai loại, một là Ngữ tướng phân biệt, hai là Nhuận sinh. Nhuận sinh là do Hữu, Ngữ tướng phân biệt là Vô nguyện, tức là loại của Ái. Ái thuộc Phiền não nhiếp”. Căn cứ theo văn thì chỉ có trừ mà chưa có Vô dư vĩnh viễn hại Chứng tử của Vô minh, Nguyện tức là Ái. Hoặc nguyện tức là nguyện sinh Thiên v.v... vì đều là Nhân của sinh tử, cho nên Thánh nhân không sinh khởi ái.

Bất tương ưng, nói Giả tướng là Danh, là khởi Ngôn thuyết, như trong Tư tuệ ở trước nói: “Vì nương vào sáu Sự mà khởi Ngôn thuyết”, tức là thuộc Thể của Chí Ngôn luận v.v...

Phi hữu sắc v.v... có hai loại, chỉ có giả danh, Hiển Dương quyển 1 ghi: “Phải biết lại có Chứng loại như vậy, lược bỏ không kiến lập”, tức là các tướng Phi đặc v.v... Trong Hữu tướng và Vô tướng, đều cùng với Đối Pháp quyển 1 riêng khác, xem thì hiểu, là dễ hiểu cho nên không luận, như Hiển Dương quyển 14.

“Hữu” chỉ có lập bảy Thiện xảo, là nguyên nhân trong Hành uẩn có năm chủng loại.

“Khiến cho tâm tạo tác”, các tạo tác này đều do công năng của Tư làm Cảnh.

“Tùy theo ban cho”, sư Cảnh nói: “Đối với hòa hợp và các cảnh trái nghịch v.v... Tư tùy theo Cảnh này mà cùng với Thức đồng thời chuyển”. Sư Bị nói: “Tư có thể phát khởi tâm, khiến cho cảnh tùy theo tâm mà chuyển. Chữ “vi” nghĩa là làm, làm cho cảnh tùy theo cùng với tâm”. Sư Thái nói: “Tư khiến cho tâm đối với Cảnh sở duyên tùy theo ban cho lãnh thọ hòa hợp và trái nghịch”. Luận này giải thích do Tư khiến cho tâm đối với Cảnh sở duyên, tùy theo ban cho lãnh thọ, không cần nói hòa hợp v.v... Câu thứ nhất này là Tổng cú, nếu nói hòa hợp v.v... thì cùng câu thứ hai có khác gì!

**Luận ghi:** “Tại sao do Thắng định kia đối với tất cả Sắc đều đắc tự tại”? Như cuối quyển sau sẽ nói văn này.

Ngay tại Hương và Vị cũng biến đổi mười sáu loại Xúc. Loại thứ bảy là Tăng ngữ xúc, là ý thức tăng trưởng ngữ và có thể phát ngữ, gọi

là Tăng ngữ xúc. Sư Thái nói: “Năm Thức v.v... được duyên Thật tướng, xứng với Thật tướng mà gọi là Hữu đối xúc. Ý thức có phân biệt, duyên danh làm cảnh, mong năm Thức để lấy danh làm duyên, cho nên gọi là Tăng ngữ xúc”. Lại nữa, Danh cú vẫn là ngữ, ngữ này trong Cảnh tăng trưởng cho nên gọi là Tăng ngữ, Ý thức duyên Tăng ngữ này làm Cảnh, gọi là Tăng ngữ xúc. Minh xúc, là Vô lậu. Vô minh, là bất thiện và Vô ký. Phi minh phi vô minh, là Hữu lậu thiện xúc. Tám loại quán, là như phẩm pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát địa, trong Bồ-đề chí hạnh mà quán thiện, biết tám loại quán hạnh của thế gian mà nói.

**Luận ghi:** “Thọ có mấy loại? Tức là Khổ đế hiện tại thọ Tập đế”. Khổ nhân hiện tại tức là Tập đế. Thọ diệt, tức là Khổ đế diệt. Chính là Diệt đế. Thọ các Tập tiến đến hành, là Tập đế, tức là Thọ nhân vị lai. Thọ diệt tiến đến hành, là Đạo đế. Hiện tại căn cứ theo văn dưới nói: “Quán pháp kia diệt, tức là Diệt đế”, xem Bồ-tát địa không đồng, cũng có thể giải thích đồng với Địa kia. Luận này nói Diệt, tức là Diệt pháp gọi là Diệt thọ. Ái vị, là Tập đế trong Tu đạo. Quá hoạn, tức là Khổ đế quán. Hiện tại căn cứ theo văn dưới nói: “Hai loại Chuyển nhân quán kia, tức là quán lại Chuyển nhân của Tập đế hiện pháp ở trước. Nói về hai Nhân kia, lại nói: “Hai loại Chuyển diệt nhân quán kia, ngay quá hoạn là Đạo đế, vì quán Khổ làm tội lỗi, là hạnh của Đạo đế”. Nếu không như thế thì các văn dưới, hai loại Chuyển kia là tội lỗi của Ái vị. Hai Đế sau trong Xuất ly, nhiếp chung Đạo đế và Diệt đế, như tội lỗi ở trước thì Đạo đế tức là Diệt nhân, là thù thắng. Xem Bồ-tát địa, xuất ly Khổ căn bản, giải thích thô trọng có thể biết.

**Luận:** Trong Tưởng uẩn sai biệt, nói: “Điên đảo sai biệt, là các ngu phu không có chỗ hiểu biết, cho đến gọi đó là Tưởng đảo v.v...”. Vô minh, như quyển 8 ghi: “Đây là Đảo căn bản”. Trong đây căn cứ theo Tưởng là Tưởng tâm sở, nhưng thông với nội đạo hoặc ngoại đạo. Chỗ khởi Đảo, gọi chung là Tưởng đảo, trong đó phân hai phần là tâm đảo và Kiến đảo. “Nếu ngoại đạo xuất gia khởi toàn phần ba loại Kiến, và phần ít một loại Kiến, cùng với Tưởng đảo đồng thời”, là Kiến đảo cũng là Tưởng đảo. Nếu tại gia đối với Cảnh mà khởi tham, thì cùng với Tưởng đảo đồng thời, cũng là tâm đảo, nhưng theo thứ tự phẩm thứ nhất ở trước, quyển 8 ghi: “Tham thông với hai loại, là Bất tịnh đảo và Tịnh đảo”. Đối với Khổ đảo và Lạc đảo, thì chỉ lấy ngoại đạo trì tà giới, chấp Tà kiến lấy làm giới, Kiến thủ câu sinh Thiên v.v... thì tham này là thù thắng, cho nên gọi riêng tham này hai loại, là tham đảo và tâm đảo, ngoài ra là kế chấp Thường kiến v.v... tất cả hữu tình đều cùng chung,

vì nghĩa ẩn sâu kín cho nên không nói. Hoặc căn cứ theo văn này, thì Di sinh của ngoại đạo dấy khởi Thường đảo Ngã đảo, cũng là tâm đảo, thì tâm đảo chung với hai chúng tại gia và xuất gia mà khởi. Nhưng văn của luận này thì tại gia đối với Dục cảnh mà khởi Đảo tướng gọi là tâm đảo, vì tham tăng trưởng thù thắng, ngoại đạo thì gọi là Kiến đảo, vì Kiến dụng tăng trưởng, nhưng Kiến đảo thì không thể nói chúng tại gia phát khởi, đoạn văn này cùng với đoạn văn quyển 8 ở trước khác nhau. Lại nữa, giải thích phẩm tại gia như văn này: “Đối với Thường và Ngã thật sự là khởi tâm đảo, nhưng ngoại đạo v.v... cũng kế chấp Thường và Ngã cho là cùng chung”. Văn trước chỉ nói lạc và tịnh là tâm đảo, phẩm tại gia khởi Thường ngã và Kiến đảo là chung với phẩm tại gia và xuất gia mà khởi, không nói riêng đối với lạc và tịnh. Người tại gia khởi tham là nghĩa tăng trưởng, cho nên gọi là tâm đảo, tức là đồng với văn này. Tại gia khởi tâm đảo, xuất gia khởi Kiến đảo, giải thích trước thì hay hơn, nhưng căn cứ theo lý mà luận, thì chỗ khởi của tại gia có thể không khởi Kiến đảo, xuất gia thì không khởi tham đảo và tà tham, vì Kiến thủ và Giới thủ làm nhân sinh Thiên và giải thoát. Nếu làm giải thích này, thì Tướng đảo thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, vì là chỗ nương của tâm đảo và Kiến đảo. Kiến đảo chỉ có Kiến đạo, vì xuất gia ngoại đạo khởi, cho nên nếu tâm đảo thông với hai phẩm tại gia và xuất gia mà khởi thì thông với Kiến đoạn và Tu đoạn, lại cũng chỉ có Kiến đoạn phân riêng mà sinh.

